

**NHÀ MÁY THỨC ĂN CHĂN NUÔI
KHÁNH HÒA – CHI NHÁNH TỔNG
CÔNG TY KHÁNH VIỆT**

**Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	4 - 5
• Báo cáo kết quả kinh doanh	6
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 19

SAO Y BẢN CHÍNH

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thiên Phong



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Nhà máy Thức ăn Chăn nuôi Khánh Hòa – Chi nhánh Tổng Công ty Khánh Việt công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Thông tin khái quát

Nhà máy Thức ăn Chăn nuôi Khánh Hòa – Chi nhánh Tổng Công ty Khánh Việt (sau đây gọi tắt là “Nhà máy”) là đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Khánh Việt được thành lập theo Quyết định số 64/QĐ-HĐQT-TCT ngày 09 tháng 12 năm 2004 của Tổng Công ty Khánh Việt. Nhà máy là đơn vị hạch toán phụ thuộc, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 3716000059 ngày 12 tháng 10 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa (Giấy chứng nhận này đã được điều chỉnh vào ngày 12/01/2011 với mã số chi nhánh là 4200486169-016), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty Khánh Việt và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Thôn Nhĩ Sự, Xã Ninh Thân, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa
- Điện thoại: (84) 058 - 2215868
- Fax: (84) 058 - 2216338

Ngành nghề kinh doanh chính

- Trồng cây hàng năm khác;
- Chăn nuôi trâu, bò;
- Chăn nuôi ngựa, lừa, la;
- Chăn nuôi lợn;
- Chăn nuôi gia cầm;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 130 người. Trong đó nhân viên quản lý là 45 người.

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

- | | | |
|--------------------------|----------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Thiên Phong | Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 05/01/2011 |
| • Ông Lê Văn Hoạt | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 31/07/2009 |
| • Bà Võ Thị Quỳnh | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 01/01/2011 |

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ tại Đà Nẵng (Trụ sở chính: Tầng 3, Tòa nhà DANABOOK, 76 -78 Bạch Đằng, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3828283; Fax: (84) 0511.3828281).

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

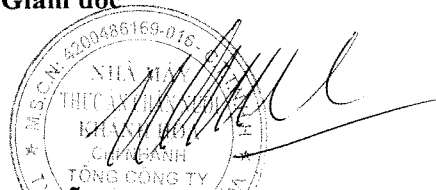
Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Nhà máy chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Nhà máy, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Nhà máy tại thời điểm 31/12/2012 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc



Nguyễn Thiên Phong

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 04 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Ban Giám đốc
Nhà máy Thức ăn Chăn nuôi Khánh Hòa – Chi nhánh Tổng Công ty Khánh Việt

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2012, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 27/04/2013 của Nhà máy Thức ăn Chăn nuôi Khánh Hòa – Chi nhánh Tổng Công ty Khánh Việt (sau đây gọi tắt là “Nhà máy”) đính kèm từ trang 4 đến trang 19. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Nhà máy và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Nhà máy. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là dựa trên các bằng chứng kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập của mình về tính trung thực và hợp lý của các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Nhà máy cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của mình.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu thì các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Nhà máy tại ngày 31/12/2012 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ - AA
Chi nhánh tại Đà Nẵng



Trần Hiền
Phó Giám đốc

Chứng chỉ KTV số 1400/KTV

Phan Duy Phước
Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 1447/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		57.474.502.228	69.743.527.632
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.624.405.169	3.997.287.692
1. Tiền	111	5	2.624.405.169	3.997.287.692
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.646.984.856	8.824.502.093
1. Phải thu khách hàng	131		3.651.706.021	8.649.498.473
2. Trả trước cho người bán	132		12.000.000	187.008.075
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	6	9.015.294.374	-
4. Các khoản phải thu khác	135	7	10.007.038	19.484.438
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(42.022.577)	(31.488.893)
IV. Hàng tồn kho	140		41.855.938.350	56.537.530.989
1. Hàng tồn kho	141	8	41.855.938.350	56.537.530.989
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		347.173.853	384.206.858
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	279.872.853	332.426.858
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	67.301.000	51.780.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.853.544.035	9.543.413.243
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		9.600.521.014	9.214.777.289
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	9.528.741.098	9.140.006.541
- Nguyên giá	222		34.131.635.828	30.716.528.173
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.602.894.730)	(21.576.521.632)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	71.779.916	74.770.748
- Nguyên giá	228		199.193.745	199.193.745
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		253.023.021	328.635.954
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	252.023.021	327.635.954
2. Tài sản dài hạn khác	268	14	1.000.000	1.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		67.328.046.263	79.286.940.875

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		10.654.073.758	22.852.101.911
I. Nợ ngắn hạn	310		10.654.073.758	22.852.101.911
1. Phải trả người bán	312		7.527.070.725	16.435.573.125
2. Người mua trả tiền trước	313		2.894.479.033	354.760.897
3. Chi phí phải trả	316	15	61.674.000	-
4. Phải trả nội bộ	317		-	5.974.049.839
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	170.850.000	87.718.050
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		56.673.972.505	56.434.838.964
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	56.673.972.505	56.434.838.964
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	17	56.673.972.505	56.434.838.964
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	17	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		67.328.046.263	79.286.940.875

Giám đốc



Nguyễn Thiên Phong

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 04 năm 2013

Kế toán trưởng

Võ Thị Quỳnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	18	268.235.154.146	203.807.592.807
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	12.692.768.014	2.753.966.040
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	18	255.542.386.132	201.053.626.767
4. Giá vốn hàng bán	11	19	243.565.068.626	187.011.048.231
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>11.977.317.506</u>	<u>14.042.578.536</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	191.493.550	147.493.042
7. Chi phí tài chính	22	21	111.290.738	3.356.071.120
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		99.542.681	-
8. Chi phí bán hàng	24		10.897.407.050	8.468.529.352
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		-	-
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>1.160.113.268</u>	<u>2.365.471.106</u>
11. Thu nhập khác	31	22	42.323.336	379.340.425
12. Chi phí khác	32	23	10.261.779	277.713.070
13. Lợi nhuận khác	40		<u>32.061.557</u>	<u>101.627.355</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	24	<u>1.192.174.825</u>	<u>2.467.098.461</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	24	<u>1.192.174.825</u>	<u>2.467.098.461</u>

Giám đốc



Nguyễn Thiên Phong

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 04 năm 2013

Kế toán trưởng

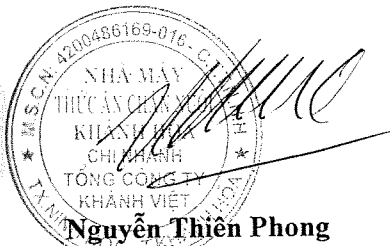
Võ Thị Quỳnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	275.857.016.027	206.943.685.079
Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(253.637.776.858)	(195.962.278.770)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(12.212.813.000)	(8.705.810.000)
Tiền chi trả lãi vay	04	(99.542.681)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	4.323.097.391	39.339.875
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(13.086.514.444)	(813.862.534)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.143.466.435	1.501.073.650
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(2.604.314.002)	(1.383.314.728)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	87.965.044	82.080.278
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.516.348.958)	(1.301.234.450)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(1.372.882.523)	199.839.200
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.997.287.692	3.797.448.492
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	2.624.405.169	3.997.287.692

Giám đốc



Nguyễn Thiên Phong

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 04 năm 2013

Kế toán trưởng

Võ Thị Quỳnh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Nhà máy Thức ăn Chăn nuôi Khánh Hòa – Chi nhánh Tổng Công ty Khánh Việt (sau đây gọi tắt là “Nhà máy”) là đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Khánh Việt được thành lập theo Quyết định số 64/QĐ-HĐQT-TCT ngày 09 tháng 12 năm 2004 của Tổng Công ty Khánh Việt. Nhà máy là đơn vị hạch toán phụ thuộc, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 3716000059 ngày 12 tháng 10 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa (Giấy chứng nhận này đã được điều chỉnh 01 lần vào ngày 12/01/2011 với mã số chi nhánh là 4200486169-016), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty Khánh Việt và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Trồng cây hàng năm khác;
- Chăn nuôi trâu, bò;
- Chăn nuôi ngựa, lừa, la;
- Chăn nuôi lợn;
- Chăn nuôi gia cầm;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Nhà máy áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Nhà máy bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 15
Máy móc thiết bị	6 - 7
Phương tiện vận tải	5 - 7
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 7
Tài sản cố định khác	4

4.5 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Nhà máy được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận được quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trừ trường hợp đi thuê đất).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ các khoản tiền chi ra để có được quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện trích khấu hao.

Các tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Quyền sử dụng đất	30
Phần mềm máy tính	3

4.6 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhà máy đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.8 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Nhà máy được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.9 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Nhà máy đang áp dụng

- Thuế suất thuế Giá trị gia tăng:
 - ✓ Hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi: Áp dụng mức thuế suất 5%;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- ✓ Hoạt động chăn nuôi gia cầm, gia súc: Thuộc đối tượng không chịu thuế.
- Nhà máy là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Khánh Việt nên việc tính và nộp thuế TNDN được thực hiện tại Tổng Công ty Khánh Việt.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.10 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	67.116.810	491.053.482
Tiền gửi ngân hàng	2.557.288.359	3.506.234.210
Cộng	2.624.405.169	3.997.287.692

6. Các khoản phải thu nội bộ ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tổng Công ty Khánh Việt - Công ty TNHH MTV	9.015.294.374	-
Cộng	9.015.294.374	-

7. Các khoản phải thu khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Bảo hiểm xã hội Khánh Hòa	10.007.038	19.484.438
Cộng	10.007.038	19.484.438

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

8. Hàng tồn kho

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Nguyên liệu, vật liệu	36.463.126.778	51.454.886.136
Công cụ, dụng cụ	791.903.795	717.894.056
Thành phẩm	4.600.907.777	4.364.750.797
Cộng	41.855.938.350	56.537.530.989

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	135.073.571	241.661.871
Chi phí bảo hiểm	144.799.282	90.764.987
Cộng	279.872.853	332.426.858

10. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tạm ứng	67.301.000	51.780.000
Cộng	67.301.000	51.780.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	13.814.333.651	12.063.426.483	3.529.684.642	1.309.083.397	30.716.528.173
Mua sắm trong năm	149.454.273	120.340.000	2.291.337.910	43.181.819	2.604.314.002
Tăng do đ/c nội bộ	-	-	817.375.209	-	817.375.209
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm khác trong năm	6.581.556	-	-	-	6.581.556
Số cuối năm	13.957.206.368	12.183.766.483	6.638.397.761	1.352.265.216	34.131.635.828
Khấu hao					
Số đầu năm	7.159.529.268	10.701.868.264	2.707.427.305	1.007.696.795	21.576.521.632
Khấu hao trong năm	1.435.107.867	470.935.388	446.578.821	95.509.354	2.448.131.430
Tăng do đ/c nội bộ	-	-	578.241.668	-	578.241.668
Giảm khác trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	8.594.637.135	11.172.803.652	3.732.247.794	1.103.206.149	24.602.894.730
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	6.654.804.383	1.361.558.219	822.257.337	301.386.602	9.140.006.541
Số cuối năm	5.369.150.789	1.010.962.831	2.906.149.967	249.059.067	9.528.741.098

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 4.048.136.917 đồng.

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	89.724.900	109.468.845	199.193.745
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	89.724.900	109.468.845	199.193.745
Khấu hao			
Số đầu năm	14.954.152	109.468.845	124.422.997
Tăng trong năm	2.990.832	-	2.990.832
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	17.944.984	109.468.845	127.413.829
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	74.770.748	-	74.770.748
Số cuối năm	71.779.916	-	71.779.916

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

13. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Chi phí bảo hiểm xe	36.171.040	10.950.848
Phí khảo sát, lệ phí làm thủ tục thuê đất	195.280.554	316.685.106
Phí làm giấy chứng nhận hợp quy 2011-2014	20.571.427	-
Cộng	252.023.021	327.635.954

14. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Ký cược, ký quỹ dài hạn	1.000.000	1.000.000
Cộng	1.000.000	1.000.000

15. Chi phí phải trả

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Chi phí cước vận chuyển	61.674.000	-
Cộng	61.674.000	-

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Thuế TNCN phải nộp Tổng công ty	170.850.000	87.718.050
Cộng	170.850.000	87.718.050

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại 01/01/2011	56.434.838.964	-	56.434.838.964
Tăng trong năm	-	2.467.098.461	2.467.098.461
Giảm trong năm	-	2.467.098.461	2.467.098.461
Số dư tại 31/12/2011	56.434.838.964	-	56.434.838.964
Số dư tại 01/01/2012	56.434.838.964	-	56.434.838.964
Tăng trong năm	239.133.541	1.192.174.825	1.431.308.366
Giảm trong năm	-	1.192.174.825	1.192.174.825
Số dư tại 31/12/2012	56.673.972.505	-	56.673.972.505

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vốn của Tổng Công ty Khánh Việt - Công ty TNHH MTV	56.673.972.505	56.434.838.964
Cộng	56.673.972.505	56.434.838.964

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	-	-
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp trong năm	1.192.174.825	2.467.098.461
Phân phối lợi nhuận năm nay	1.192.174.825	2.467.098.461
<i>Chuyển lợi nhuận về Tổng Công ty</i>	1.192.174.825	2.467.098.461
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

18. Doanh thu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng doanh thu	268.235.154.146	203.807.592.807
+ Doanh thu bán hàng	232.367.517.469	203.807.592.807
Trong đó: Doanh thu bán hàng nội bộ	35.867.636.677	37.831.650.858
Các khoản giảm trừ doanh thu	12.692.768.014	2.753.966.040
+ Chiết khấu thương mại	12.692.768.014	2.753.966.040
Cộng	255.542.386.132	201.053.626.767

19. Giá vốn hàng bán

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	243.565.068.626	187.011.048.231
Cộng	243.565.068.626	187.011.048.231

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	87.965.044	82.080.278
Chiết khấu thanh toán	103.528.506	65.412.764
Cộng	191.493.550	147.493.042

21. Chi phí tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chiết khấu thanh toán	11.748.057	3.356.071.120
Lãi vay phải trả Tổng công ty	99.542.681	-
Cộng	111.290.738	3.356.071.120

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

22. Thu nhập khác

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thu nhập từ thanh lý phế liệu thu hồi	34.605.453	44.809.090
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	79.876	21.504
Thu tiền từ cho thuê mặt bằng	7.636.364	9.636.365
Xử lý kiểm kê	-	32.612.557
Thu từ bán dầu Mazut	-	292.260.909
Thu nhập khác	1.643	-
Cộng	42.323.336	379.340.425

23. Chi phí khác

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí khấu hao trại heo	-	36.494.350
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ trại heo	-	560.000
Phí giám định tai nạn xe	-	500.000
Chi phí dầu Mazut	-	234.858.171
Chi phí vận chuyển dầu Mazut	-	5.300.000
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	51.402	549
Xuất bán thùng nhựa, bao bì	10.209.859	-
Chi phí khác	518	-
Cộng	10.261.779	277.713.070

24. Chi phí thuế TNDN hiện hành và lợi nhuận sau thuế TNDN trong năm

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.192.174.825	2.467.098.461
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	-	-
<i>Điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Điều chỉnh giảm</i>	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	1.192.174.825	2.467.098.461
Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.192.174.825	2.467.098.461

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

25. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	235.865.982.465	174.860.929.886
Chi phí công cụ dụng cụ	1.780.509.921	892.181.617
Chi phí nhân công	4.675.803.885	4.779.268.437
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.455.358.478	6.327.780.816
Chi phí khác bằng tiền khác	10.511.283.315	2.448.461.675
Cộng	255.288.938.064	189.308.622.431

26. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

a. Thông tin về các bên liên quan

Công ty liên quan

Mối quan hệ

Tổng Công ty Khánh Việt	Đơn vị cấp trên
Khu Du lịch Bảo Đại	Đơn vị trực thuộc Tổng công ty Khánh Việt
Nhà máy Thuốc lá Khatoco Khánh Hòa	Đơn vị trực thuộc Tổng công ty Khánh Việt
Trung tâm Giống đà điểu Ninh Hòa	Đơn vị trực thuộc Tổng công ty Khánh Việt
Trung tâm Giống đà điểu Quảng Nam	Đơn vị trực thuộc Tổng công ty Khánh Việt
Xí nghiệp in Bao Bì Khatoco	Đơn vị trực thuộc Tổng công ty Khánh Việt
Xí nghiệp May Khatoco	Đơn vị trực thuộc Tổng công ty Khánh Việt
Công ty kinh doanh Đà điểu Cá sấu Khatoco	Đơn vị trực thuộc Tổng công ty Khánh Việt
Công ty Phát triển Hạ tầng Khatoco	Đơn vị trực thuộc Tổng công ty Khánh Việt
Công ty Cổ phần Du lịch Long Phú	Đơn vị trực thuộc Tổng công ty Khánh Việt
Công ty TNHH Tân Khánh An	Công ty con của Tổng công ty Khánh Việt
Công ty TNHH MTV Thương mại Khatoco	Công ty con của Tổng công ty Khánh Việt

b. Những giao dịch trọng yếu của Nhà máy với các bên liên quan phát sinh trong năm

	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2012 VND
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Du lịch Long Phú	Nước suối, tham quan	349.360.948
Cty TNHH MTV Thương mại Khatoco	Áo, quần BHLĐ	307.741.817
Công ty Cổ phần Đông Á	Thùng đựng hàng	11.400.000
Trung tâm Giống đà điểu Ninh Hòa	Trứng đà điểu	45.648.000
Xí nghiệp In Bao Bì Khatoco	In nhãn bao bì	98.878.500
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Du lịch Long Phú	Cám đà điểu	95.786.862
Trung tâm Giống đà điểu Ninh Hòa	Cám đà điểu	22.704.138.777
Trung tâm Giống đà điểu Quảng Nam	Cám đà điểu	12.943.649.100
Công viên Du lịch Yang Bay	Cám đà điểu	12.663.900
Công ty Kinh doanh Đà điểu Cá sấu Khatoco	Vật tư	9.009.090

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Số dư với các bên có liên quan

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Nợ Phải trả		
Tổng Công ty Khánh Việt	9.015.294.374	5.974.049.839
Nợ Phải thu		-
Công ty CP Du lịch Long Phú	-	10.606.090

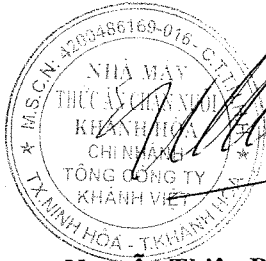
27. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

28. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác.

Giám đốc



Nguyễn Thiên Phong

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 04 năm 2013

Kế toán trưởng

Võ Thị Quỳnh